TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HNGĐ-ST
Ngày 02-4-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Vân

Ông Ngô Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 03 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1985; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; Hiện đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy Gia Minh tại xã Gia Minh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 8 năm 2017 cùng các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, chị Nguyễn Thị T1 (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T1 và anh Đỗ Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lưu Kiếm, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 263/2011 ngày 28 tháng 12 năm 2011. Chị T1 và anh C chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, lối sống, anh C không từ bỏ được việc nghiện ma túy dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng, xúc phạm lẫn nhau. Do mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2017 cho đến nay. Chị T1 nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Văn C.

Về con chung: Chị T1 trình bày chị và anh C có hai con chung tên là Đỗ Tuấn K, sinh ngày 08/10/2012 và Đỗ Tuấn B, sinh ngày 22/11/2015. Hiện nay các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng với chị T1. Khi ly hôn, chị T1 đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con vì chị có thu nhập ổn định, có đầy đủ thời gian, chỗ ở để đảm bảo nuôi dạy con chung được tốt. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T1 đề nghị để chị và anh C tự thỏa thuận giao nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T1 trình bày chị và anh C không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Chị Nguyễn Thị T1 đã nộp cho Tòa án: Giấy kết hôn số 263/2011 ngày 28/12/2011; Bản sao Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của các con chung, Chứng minh nhân dân để chứng minh cho yêu cầu của mình. Anh Đỗ Văn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 20/TB-TA ngày 09/3/2018 và đã không có ý kiến, quan điểm gì đối với các tài liệu, chứng cứ có trong Hồ sơ vụ án.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và không bổ sung gì thêm.

Bị đơn là anh Đỗ Văn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự song đến ngày mở phiên tòa, anh Đỗ Văn C vẫn không trình bày thêm ý kiến gì về việc chị Nguyễn Thị T1 xin ly hôn.

Tại biên bản làm việc ghi ý kiến của anh Đỗ Văn C đối với yêu cầu của nguyên đơn ngày 27/02/2018, anh C thừa nhận biết được việc chị T1 có đơn xin ly hôn tại Tòa án với các nội dung như chị T1 đã trình bày. Anh C cho rằng anh không đồng ý ly hôn và không có quan điểm gì trong thời điểm anh đang cai

nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy Gia Minh và anh sẽ bàn bạc, trao đổi với chị T1 để có quan điểm cho Tòa án sau. Mặt khác, anh C cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa vợ chồng anh không phải như chị T1 đã trình bày mà do chị T1 để anh đi cai nghiện ma túy, chị T1 là người bảo lãnh cho anh cai nghiện ma túy theo hình thức tự nguyện. Nhưng anh C trình bày xong không ký xác nhận vào biên bản làm việc của Tòa án trước sự chứng kiến của các cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy Gia Minh. Anh C không có quan điểm gì về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung và hiện anh đang trong thời gian cải tạo, cai nghiện ma túy với thời hạn 24 tháng kể từ ngày 27/5/2017.

Trong vụ án này: Lời trình bày của chị Nguyễn Thị T1 về quan hệ hôn nhân, con chung và việc nuôi con khi ly hôn và lý do đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ đó phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà chị giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được, anh Đỗ Văn C không trình bày ý kiến của mình nên thuộc trường hợp cần phải chứng minh. Quan hệ tài sản, công nợ chung phát sinh từ quan hệ hôn nhân, chị T1 không yêu cầu giải quyết và anh C không trình bày ý kiến nên không đặt vấn đề phải chứng minh.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn đã không chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án giải quyết cho chị Nguyễn Thị T1 và anh Đỗ Văn C được ly hôn. Về con chung: Chị T1 và anh C có hai con Đỗ Tuấn K, sinh ngày 08/10/2012 và Đỗ Tuấn B, sinh ngày 22/11/2015. Khi ly hôn, chị T1 xin được nuôi hai con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết; Anh C không trình bày quan điểm của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cho chị Nguyễn Thị T1 được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để tự thỏa thuận giao nhận cho nhau. Về tài sản chung: Chị T1 và anh C không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Chị Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị T1 và anh C được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, đã đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Chị T1 vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh C đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T1 và anh C.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T1 và anh Đỗ Văn C được xác lập vào năm 2011 là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, lối sống, anh C không từ bỏ được việc nghiện ma túy dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng, xúc phạm lẫn nhau, hôn nhân giữa các bên đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn sâu sắc đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Thị T1 xin ly hôn với anh Đỗ Văn C. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T1 với anh Đỗ Văn C.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T1 và anh Đỗ Văn C có hai con Đỗ Tuấn K, sinh ngày 08/10/2012 và Đỗ Tuấn B, sinh ngày 22/11/2015. Khi ly hôn, chị T1 xin nuôi hai con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để hai bên tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, anh C không trình bày ý kiến của mình. Xét thấy, các con chung đang khỏe mạnh, con có nguyện vọng ở với mẹ, chị T1 đã trực tiếp nuôi hai con từ khi ly thân đến nay, điều kiện nuôi con của chị T1 tốt hơn anh C. Tại thời điểm này anh C đang cai nghiện ma túy chưa có điều kiện để trực tiếp nuôi con. Để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp cho con chung nên cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao hai con chung cho chị Nguyễn Thị T1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, để chị T1 và anh C tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T1 và anh Đỗ Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T1 và anh Đỗ Văn C.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung tên Đỗ Tuấn K, sinh ngày 08/10/2012 và Đỗ Tuấn B, sinh ngày 22/11/2015 cho chị Nguyễn Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T1 và anh Đỗ Văn C tự thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T1 và anh Đỗ Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T1 phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Hằng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tại Biên lai số 0008753 ngày 02 tháng 02 năm 2018; Chị Nguyễn Thị T1 đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T1, anh Đỗ Văn C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Lưu Kiếm, huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Vân